TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/KDTM-PT
Ngày: 22 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2303/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1002/2024/QĐPT-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần V (STT)

Địa chỉ: B đường P, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1986 (có mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 (có mặt).

(Cùng Văn bản ủy quyền số 198/2023/GUQ-STT ngày 21/8/2023);

4/ Bà Nguyễn Thị T1 (vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số 235/2023/GUQ-STT ngày 09/10/2023)

Cùng địa chỉ liên lạc: 25 đường P, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Quang H1, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: G Đường số A, Khu phố E, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Đặng Thị Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An;

(Văn bản ủy quyền công chứng số 005415 ngày 03/9/2020 tại Văn Phòng C1).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dư Hữu D, sinh năm 1961 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: D H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Công ty cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung khởi kiện ngày 17/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông H1 nguyên là Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần V (từ đây viết tắt là Công ty S) giai đoạn 2005 - 2012. Trong quá trình đương chức, ông H1 đã có nhiều sai phạm nghiêm trọng gây tổn thất rất lớn đối với tài sản của Công ty nên đã bị khai trừ Đảng vào năm 2014.

Năm 2017, Cục thuế Thành phố H tiến hành thanh tra tại Công ty S đã phát hiện nhiều sai phạm trong việc kê khai, nộp thuế của Công ty S thời kỳ ông H1 làm Tổng Giám đốc. Theo các *Biên bản làm việc* giữa Thanh tra Cục Thuế Thành phố H với Công ty S và *Quyết định về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế* số: 406/QĐ-CT-XP ngày 24/01/2017 của Cục Thuế Thành phố H thì đối với giai đoạn 2007 - 2012, Công ty S đã bị truy thu thuế và xử phạt số tiền gần 06 tỷ đồng, trong đó có nhiều khoản thiệt hại là hệ quả trực tiếp phát sinh từ hành vi tác trách, vi phạm của ông H1 - người đại diện theo pháp luật của Công ty S thời điểm đó.

Với tư cách là Người đại diện theo pháp luật - Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty S từ năm 2005 đến năm 2012,

ông H1 phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại đã gây ra cho Công ty do những hành vi vi phạm của mình.

Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H1 chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty S số tiền: 1.222.608.349 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng), bao gồm:

1.274.609.680 đồng là số thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có cổ tức được chia năm 2011 (Thời điểm ông H1 đang là Tổng Giám đốc – Đại diện theo pháp luật của Công ty S) nhưng Công ty đã không kê khai, không khấu trừ nên đã bị truy thu vào năm 2017.

2.947.998.669 đồng là tổng số tiền Công ty S đã bị phạt và phải trả tiền chậm nộp đối với các khoản thuế bị truy thu năm 2011 và 2012 (Tạm tính đến ngày 12/01/2017), cụ thể:

Tiền phạt và tiền chậm nộp thuế năm 2011 – 2012

Niên độ	Tiền chậm nộp đến ngày ký biên bản (12/01/2017)	Phạt kê khai sai
Thuế Giá trị gia tăng		
Tháng 11-2011	44.642	5.045
Tháng 12-2011	92.811.447	10.676.573
Tháng 1-2012	3.565.146	417.562
Thg 2-2012	2.599.833	309.762
Tháng 3-2012	1.979.367	240.273
Tháng 4-2012	1.653.812	204.477
Tháng 5-2012	721.182	90.909
Tháng 6-2012	707.546	90.909
Tháng 7-2012	693.455	90.909
Tháng 8-2012	1.028.142	137.581
Tháng 9-2012	665.727	90.909
Tháng 10-2012	630.784	88.000
Tháng 11-2012	638.000	90.909
Tháng 12-2012	13.437.990	1.958.034

Tổng 2011, 2012	*121.177.073*	*14.491.853*
Thuế Thu nhập cá nhân		
2011	248.671.360	29.805.988
2012	16.563.911	2.541.257
Tổng 2011, 2012	*265.235.271*	*32.347.244*
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
2011	459.682.270	55.064.958
	Tổng:	947.998.669

** Đại diện bị đơn bà Đặng Thị Ngọc L trình bày:*

Nguyên đơn khởi kiện ông Đinh Quang H1 yêu cầu ông H1 phải bồi thường tổng số tiền 1.222.608.349 đồng do hành vi vi phạm của ông H1 gây ra thiệt hại cho Công ty nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông H1 đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo Nghị quyết nào của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty mà gây ra thiệt hại cho Công ty. Do đó, nguyên đơn có nghĩa vụ phải xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H1 đã có hành vi gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty STT thì Công ty S không chỉ ra được hành vi tắc trách, vi phạm của ông H1 - người đại diện theo pháp luật của Công ty S nên cá nhân ông H1 không phải chịu trách nhiệm, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ông Dư Hữu D người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*: Ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty STT từ 15/01/2013 khi được Tổng Công ty D1 phân công để thay thế ông H1 nghỉ hưu (01/01/2013).

Sau khi tiếp nhận Công ty từ ông H1, qua các bộ phận chuyên môn của Công ty, nhận thấy tình hình kinh doanh và tài chính, cùng khâu nhân sự, phương tiện để kinh doanh của Công ty rất thiếu thốn, hàng tháng không có đủ nguồn thu để chi trả lương cho cán bộ nhân viên, sau đó ông có đề nghị cho kiểm toán lại để rõ nguồn vốn và tài chính của Công ty thì được biết Công ty bị lỗ từ những năm trước. Tuy trong báo cáo tài chính Công ty là có lãi nhưng thực tế là lỗ thật vì các nguồn thu từ kinh doanh vận chuyển xe taxi đã được ông H1 giao cho đối tác khác ngoài Công ty thu nhiều năm nhưng không hề nộp về Công ty theo quy định nên về sổ sách thì có nhưng tiền về Công ty thì không, sau nhiều năm không nộp thì thành nợ khó đòi, khi Công ty kiểm toán thì mới biết bị lỗ. Mọi hồ sơ giấy tờ của Công ty thì Công ty S lưu trữ vì ông đã chuyển giao toàn bộ cho người sau.

Việc tranh chấp giữa Công ty S và ông H1 ông không có ý kiến gì và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2303/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần V về việc buộc ông Đinh Quang H1 với tư cách là Tổng giám đốc- đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 1.222.608.349 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám ngàn ba trăm bốn mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2023 nguyên đơn Công ty cổ phần V (STT) kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Công ty cổ phần V (có bà Nguyễn Thị Thanh C và bà Nguyễn Thị H là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông Đinh Quang H1 là tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của công ty, nên ông H1 phải chịu trách nhiệm về những sai phạm trong quá trình làm tổng giám đốc công ty, bao gồm việc không khấu trừ khi kê khai thuế chia cổ tức cho các cổ đông theo kết luận của thanh tra thuế. Nếu ông H1 kê khai đúng quy định pháp luật thì người đóng tiền thuế là các cổ đông chứ không phải công ty. Do đó, ông H1 phải chịu trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 116 Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên Hội đồng quản trị của công ty V vào tham gia tố tụng, không tiến hành đối chất khi các đương sự có mâu thuẫn về lời khai, chưa thu thập đủ tài liệu chứng cứ như các biên bản họp, danh sách chia cổ tức... nhưng đã đưa vụ án ra xét xử là có vi phạm tố tụng.

Bị đơn ông Đinh Quang H1 (có bà Đặng Thị Ngọc L là đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm và trình bày: Ông H1 đã nghi hưu năm 2013 nên không còn nghĩa vụ đối với công ty. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H1 bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông H1 đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoặc Hội đồng quản trị, và gây thiệt hại cho công ty. Các báo cáo tài chính của công ty đều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, được công ty có chức năng kiểm toán thực hiện kiểm toán. Ông H1 cũng không

chiếm đoạt tiền của công ty để sử dụng cá nhân. Hơn nữa, báo cáo tài chính năm 2012 do ông Dư Hữu D ký, không phải ông H1 nhưng công ty vẫn quy trách nhiệm cho ông H1 là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị Phương T và bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dư Hữu D xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần S1 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp thể hiện Công ty cổ phần V (Công ty S) có ông Đinh Quang H1 là người đại diện theo pháp luật cho đến thời điểm 31/12/2012 ông H1 về hưu, thì ông Dư Hữu D lên làm người đại diện theo pháp luật từ ngày 15/01/2013.

[3] Theo Quyết định số 01/HĐ- HĐQT ngày 01/01/2005 và Quyết định số 102/QĐ-NS-12 ngày 14/12/2012 của Công ty Cổ phần V thì ông Đinh Quang H1 là Tổng giám đốc của Công ty S trong thời gian từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2012.

[4] Nguyên đơn Công ty S cho rằng trong thời gian là người đại diện theo pháp luật, ông H1 đã gây thiệt hại số tiền 947.998.669 đồng là tổng số tiền Công ty S đã bị phạt, và phải trả tiền chậm nộp đối với các khoản thuế bị truy thu năm 2011 và 2012 và 274.609.680 đồng là tiền thuế thu nhập cá nhân cần phải truy thu đối với cá nhân có cổ tức được chia năm 2009 (Công ty thực chi cổ tức theo

danh sách ngày 17/7/2011).

[5] Xét, ông H1 là đại diện theo pháp luật của Công ty nên các văn bản phát hành thuộc thẩm quyền điều hành Công ty do ông H1 ký gửi các nơi, tuy nhiên để xác định trách nhiệm của ông H1 có phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn không, thì phải xét các quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty, các văn bản liên quan, cụ thể:

- Thông báo về việc phân công trách nhiệm trong Ban Tổng giám đốc số 09/TB-10 ngày 25/3/2010 của Công ty S quy định:

"I. Tổng giám đốc: Đinh Quang H1. Chịu trách nhiệm chung và trách nhiệm cụ thể trong lĩnh vực phụ trách.

2. Công tác quản lý vốn và tài chính: Quản lý các nguồn vốn sản xuất kinh doanh, dịch vụ của Công ty; quản lý vốn xây dựng cơ bản bao gồm vốn vay vốn cổ phần. Chỉ đạo lập kế hoạch và quản lý thu chi tài chính của Công ty";

- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty S vào ngày 29/4/2010, tại Điều 4 đã "Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2009 với mức chia cổ tức là 12% bằng cổ phiếu…";

Tại Điều 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 vào ngày 07/6/2011, Điều 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 19/11/2012, Điều 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 22/8/2013 đều có nội dung ghi nhận: Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất hàng năm của doanh nghiệp (đều được công ty K thực hiện kiểm toán);

- Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty năm 2009, năm 2011 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau: "Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm" và "Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

d) Lựa chọn Công ty kiểm toán";

- Điều lệ Công ty năm 2009, năm 2011;

- Khoản 3 Điều 93; điểm e khoản 2 Điều 96; Khoản 3, khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

Từ các căn cứ trên thể hiện: Thông báo về việc phân công trách nhiệm trong Ban Tổng giám đốc số 09/TB-10 ngày 25/3/2010 của Công ty S có phân công trách nhiệm Tổng giám đốc là "Chỉ đạo lập kế hoạch và quản lý thu chi tài chính của Công ty", nhưng việc báo cáo tài chính hàng năm của Công ty S đều

được Ban kiểm soát, Cơ quan kiểm toán kiểm tra đệ trình Đại Hội cổ đông thường niên thảo luận và thông qua biểu quyết, Tổng giám đốc - ông H1 phải thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại Hội cổ đông, Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ của Công ty S. Nghị quyết năm 2009 thông qua phương án phân chia cổ tức 12% bằng cổ phiếu, tuy nhiên tại Phần 4 Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 07/6/2010 có ghi: "Đại hội đồng cổ đông năm 2009 quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty đã làm thủ tục và chứng nhận thêm cổ phiếu cho cổ đông nhưng vẫn phải chờ cổ phiếu Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán và được cấp quyết định tăng vốn điều lệ thì lúc đó mới làm thủ tục".

Nguyên đơn cho rằng ông H1 tự ý chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt theo danh sách ngày 17/7/2011, nhưng tại điểm j khoản 3 Điều 25 Điều lệ năm 2009, năm 2011 xác định quyền hạn Hội đồng quản trị trong đó có "tổ chức việc chi trả cổ tức", và khoản 3 Điều 93 Luật doanh nghiệp năm 2005 xác định việc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H1 bồi thường thiệt hại nhưng không chỉ ra được hành vi vi phạm của cá nhân ông H1 gây thiệt hại cho Công ty, cũng không có chứng cứ chứng minh ông H1 điều hành Công ty trái với quy định của Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty S chỉ dựa vào các văn bản ông H1 ký tên và cho rằng vào thời điểm đó ông H1 là đại diện theo pháp luật của Công ty S nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại của Công ty là không đủ căn cứ để chấp nhận.

[6] Công ty S kháng cáo cho rằng Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng khi không đưa các thành viên Hội đồng quản trị vào tham gia tố tụng, không tiến hành đối chất, không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, nên nội dung nhận định và quyết định là không đúng.

Xét, báo cáo tài chính hàng năm của công ty S đều được Ban kiểm soát, cơ quan kiểm toán kiểm tra trình Đại hội cổ đông thường niên thảo luận và biểu quyết thông qua. Hội đồng quản trị là do Đại hội cổ đông bầu ra. Như vậy, các Nghị quyết của Đại hội cổ đông đã có ý kiến và biểu quyết thông qua của các thành viên Hội đồng quản trị nên không cần thiết phải đưa các thành viên của Hội đồng quản trị vào tham gia tố tụng. Theo quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đối chất không phải là thủ tục bắt buộc, chỉ được Tòa án tiến hành theo yêu cầu của đương sự hoặc xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã trình bày công khai ý kiến của mình, nên việc đối chất đã được thực hiện. Trong vụ án dân sự thì việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày là nghĩa vụ của đương sự. Do đó, nội dung kháng cáo mà nguyên đơn nêu ra là

không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo là Công ty Cổ phần V phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần V (Công ty S); Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2303/2023/KDTM-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Áp dụng Điều 116 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần V (Công ty S)về việc buộc ông Đinh Quang H1 với tư cách là Tổng giám đốc - đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 1.222.608.349 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng).

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần V (Công ty S) phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000897 ngày

21/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu. (Án PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình